TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/LĐ-ST
Ngày: 25/9/2020.
Về việc: "Tranh chấp tiền lương".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Dược.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Diễn - Cán bộ hưu trí;

2. Ông Huỳnh Phi Hổ - Ủy viên thường vụ-Liên đoàn lao động thành phố Biên Hòa.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST-LĐ ngày 12/12/2019 về việc "Tranh chấp tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-LĐ ngày 11/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST-LĐ ngày 04/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố A, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ MH.

Địa chỉ: Khu dân cư, khu phố H, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

Người đại diện thep pháp luật: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ S, khu phố N, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày:

Ông Tiến vào làm việc cho Công ty TNHH Dịch vụ MH (Sau đây gọi tắt là Công ty MH) từ ngày 25/4/2019 nhưng không ký hợp đồng lao động, công việc làm là nhân viên bảo vệ, mức lương là 5.000.000đ/tháng. Ngày 12/7/2019, Công ty MH điều ông đi tăng ca đêm, do trước đó ông đã tăng ca liên tục, sức khỏe không đảm bảo nên ông từ chối thì bị Công ty MH cho nghỉ việc. Việc Công ty MH cho ông nghỉ việc thì ông không có khiếu nại nhưng từ ngày nghỉ việc Công ty MH không

trả tiền lương tháng 6/2019 và 12 ngày tháng 7/2019 cho ông. Tại đơn khởi kiện ngày 26/8/2020, ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty MH phải thanh toán tổng số tiền 20.876.000 đồng, bao gồm: Tiền lương tăng ca các tháng 5, 6, 7/2019 là 14.560.000 đồng; tiền lương tháng 6/2019 còn thiếu là 4.000.0000 đồng; tiền lương 12 ngày tháng 7/2019 là 2.308.000 đồng.

Ngày 02/6/2020, ông Nguyễn T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty MH về số tiền lương tăng ca các tháng 5, 6, 7/2019.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án gồm có: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Thông báo về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có nhận được văn bản số 001./TB-MH, ngày 30/12/2019 của Công ty MH, có nội dung không đồng ý đối với các yêu cầu khởi kiện của ông Tiến, nhưng Công ty MH không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty MH vẫn vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiến về yêu cầu công ty MH thanh toán tiền lương tháng 6 và 12 ngày công tháng 7 năm 2019 với tổng số tiền là: 6.308.000 đồng; đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền tăng ca tháng 5, tháng 6, tháng 7/2019. Về án phí xác định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn T khởi kiện yêu cầu Toà án buộc Công ty MH phải thanh toán tiền lương trong thời gian làm việc. Như vậy, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "tranh chấp tiền lương" theo Điều 90 Bộ luật lao động, khoản 5 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là Công ty MH có trụ sở tại địa chỉ tại khu dân cư, khu phố H, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy

định tại điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về tư cách đương sự: Trong vụ án này, ông Nguyễn T là nguyên đơn; Công ty MH là bị đơn. Việc xác định tư cách đương sự theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về trình tự, thủ tục hòa giải: Tranh chấp được cơ quan quản lý lao động thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tổ chức hòa giải tại biên bản ngày 26/8/2019, trước khi khởi kiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật lao động. Do đó, ông Tiến có quyền khởi kiện tranh chấp lao động tại Tòa án theo quy định tại Điều 32, Điều 186, Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 12/7/2019, Công ty MH cho ông Nguyễn T nghỉ việc. Đến ngày 27/8/2019 Tòa án nhận được đơn khởi kiện của ông Tiến. Căn cứ khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động thì việc khởi kiện còn trong thời hiệu.

[7] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn T cho rằng ông bắt đầu làm việc cho Công ty MH từ ngày 25/4/2019, hai bên không ký hợp đồng lao động mà chỉ là thỏa thuận miệng. Công việc làm là nhân viên bảo vệ tại mục tiêu bảo vệ là Đoàn 3 tại địa chỉ số 522, đường K, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Tiền lương thỏa thuận là 5.000.000đ/tháng. Đến ngày 12/7/2019 thì Công ty MH cho ông nghỉ việc. Tính đến ngày ông nghỉ việc (12/7/2019) thì Công ty MH còn nợ ông tiền lương tháng 6/2019 là 4.000.000đ (do trước đó ông đã được Công ty MH cho ứng trước tiền lương tháng 6/2019 là 1.000.000đ), và tiền lương 12 ngày tháng 7/2019 là 2.308.000đ. Dó đó ông khởi kiện yêu cầu Công ty MH phải thanh toán cho ông số tiền 6.308.000đ.

Ông Tiến cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: 02 bao thư phía trên in lô gô và ghi là Công ty MH; 02 tờ giấy viết tay có nội dung tổng lương tháng 4/2019 là 1.013.000đ, lương tháng 5/2019 thực lãnh là 4.000.000đ; 01 Đơn xin xác nhận do ông Nguyễn T đứng tên, phía dưới có chữ ký của ông Nguyễn Tất Khoa và đóng mộc Đoàn Địa chất 3.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã xác minh thông tin doanh nghiệp đối với Công ty MH tại Phòng đăng ký kinh doanh-Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai; tiến hành xác minh tại Đoàn 3, có cơ sở xác định giữa Công ty MH và Đoàn 3 ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ, ông Nguyễn T là người lao động của Công ty MH đã thực hiện công việc bảo vệ tại Đoàn 3, tại địa chỉ là số 522, đường K, thành phố H, tỉnh Đồng Nai từ 25/4/2019 đến 12/7/2019 theo điều động phân công của Công ty MH. Bị đơn vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Ông Nguyễn T và Công ty MH có xác lập quan hệ lao động nhưng không ký kết hợp đồng bằng văn bản, có giá trị hiệu lực thi hành giữa các bên. Từ ngày 25/4/2019 đến ngày 12/7/2019, ông Tiến được Công ty MH giao nhiệm vụ bảo vệ Đoàn 3. Công việc, thời gian làm việc do ông Tiến và Công ty MH thỏa thuận, tiền lương là 5.000.000đ/tháng. Tiền lương tháng 6/2019 ông Tiến đã được ứng trước là 1.000.000đ, tính đến ngày ông Tiến nghỉ việc 12/7/2019 thì Công ty MH chưa thanh toán tiền lương tháng 6/2019 số tiền là 4.000.000đ và tiền lương làm việc của 12 ngày tháng 7/2019 là 2.308.000 đồng. Việc Công ty MH chưa thanh toán tiền

lương tháng 6/2019 và tiền lương 12 ngày công tháng 7/2019 cho ông Nguyễn T là vi phạm Điều 47, Điều 95 Bộ luật lao động 2012. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Công ty MH trả số tiền lương còn thiếu 6.308.000 là có căn cứ chấp nhận.

Việc ngày 02/6/2020, ông Nguyễn T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty MH về số tiền lương tăng ca các tháng 5, 6, 7/2019 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử đình chỉ, không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Đối với việc rút yêu cầu khởi kiện này, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty MH phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn - ông Nguyễn T là người lao động khởi kiện đòi tiền lương, nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 15, Điều 16, Điều 47, Điều 90, Điều 95, Điều 100, Điều 201, Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012;

-Căn cứ Nghị định số 05/2015/NĐ-CP, ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động; Nghị định số 148/2018/NĐ-CP, ngày 24/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.

-Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

Buộc Công ty MH phải thanh toán cho ông Nguyễn T số tiền 6.308.000đ (sáu triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn T đối với Công ty MH về việc thanh toán số tiền tiền tăng ca các tháng 5, 6, 7/2019.

Đối với việc rút yêu cầu khởi kiện này, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

3.Về án phí:

Công ty MH phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

3.Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Công ty MH được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bên có nghĩa vụ thi hành xong nghĩa vụ trả tiền, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
-VKSND TP Biên Hòa;
-THADS TP Biên Hòa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Dược